

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2025

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Trương Văn Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Cao Thị Mỹ H**, sinh năm 1986. Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Bùi Thanh L**, sinh năm 1985. Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025 nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ H trình bày:** Chị và anh Bùi Thanh L cưới nhau vào năm 2005. Hôn nhân do được mai mối, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B (huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long ngày 23/10/2006. Vợ chồng về sống chung tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Có 02 con chung: Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 11/8/2008 và Bùi Quốc T1, sinh ngày 14/11/2009 hiện sống với chị. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ; tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc;

về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến thường gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc; ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu giải quyết được ly hôn anh Bùi Thanh L; Về con chung: Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 11/8/2008 và Bùi Quốc T1, sinh ngày 14/11/2009, chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2025 anh Bùi Thanh L trình bày:* Anh và chị Cao Thị Mỹ H cưới nhau vào năm 2005. Hôn nhân do quen biết tìm hiểu nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương; đăng ký kết hôn ngày 23/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long. Có 02 con chung: Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 11/8/2008 và Bùi Quốc T1, sinh ngày 14/11/2009 hiện sống chung với chị H. Trong thời gian sống chung, vợ chồng tạo lập được tài sản chung, gồm có: 01 căn nhà cấp 4 ngang 8m x dài 18m cột bê tông cốt thép, vách xây tường, mái lợp tol, nền gạch men xây dựng trên đất của cha vợ là ông Cao Văn T2: hiện anh đang quản lý; Số tiền bảo hiểm 50.000.000 đồng; tiền gửi ngân hàng 200.000.000 đồng: hiện do chị H đang quản lý. Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Anh xác định vợ chồng anh không có mâu thuẫn. Năm 2023 hai vợ chồng thuê phòng trọ và đi làm ở Bình Dương; sau đó chị H thuê phòng ở riêng, không tiếp tục sống chung với anh. Nhiều lần anh muốn nói chuyện với chị H để vợ chồng hiểu nhau hơn, nhưng chị H cố tình né tránh anh, không muốn nói chuyện với anh. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Hiện anh vẫn còn thương vợ. Nay theo yêu cầu khởi kiện của chị H; anh có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn chị Cao Thị Mỹ H, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn: Về con chung: Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 11/8/2008 và Bùi Quốc T1, sinh ngày 14/11/2009 anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con; các con có nguyện vọng sống với mẹ, anh đồng ý chị H tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2025 cháu Bùi Thị Mỹ T trình bày:* cha cháu là Bùi Thanh L, mẹ cháu là Cao Thị Mỹ H; cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2025 cháu Bùi Quốc T1 trình bày:* cha cháu là Bùi Thanh L, mẹ cháu là Cao Thị Mỹ H; cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

*Tại phiên tòa:*

Anh Bùi Thanh L không đồng ý ly hôn chị Cao Thị Mỹ H, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn: Về con chung: Bùi Thị Mỹ T và Bùi Quốc T1, anh đồng ý chị H tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu nào khác.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 97, 98, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Mỹ H được ly hôn anh Bùi Thanh L; Về con chung: giao cháu Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 11/8/2008 và Bùi Quốc T1, sinh ngày 14/11/2009 cho chị H được quyền nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí buộc chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Cao Thị Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Thanh L, anh L có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Cao Thị Mỹ H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Mỹ H và anh Bùi Thanh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ tháng 6/2023 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ

nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng anh L, chị yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 11/8/2008 và Bùi Quốc T1, sinh ngày 14/11/2009. Chị H yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị H và anh L không còn sống chung, chị H là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của các con vẫn được đảm bảo; cháu T và cháu T1 đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Cao Thị Mỹ H và anh Bùi Thanh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Mỹ H và anh Bùi Thanh L.

2. Về con chung:

Giao con chung Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 11/8/2008 và Bùi Quốc T1, sinh ngày 14/11/2009 cho chị Cao Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Cao Thị Mỹ H không yêu cầu anh Bùi Thanh L cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Bùi Thanh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Bùi Thị Mỹ T và Bùi Quốc T1 được sống chung với chị Cao Thị Mỹ H.

Anh Bùi Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chị Cao Thị Mỹ H và anh Bùi Thanh L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị H nộp theo biên lai thu số 0000241 ngày 17/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị H đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân Thành, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

**Phan Kim Ngân**







